

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 181/2019/HC-PT

Ngày: 10/4/2019

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính về
quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai
thuộc trường hợp xác định không quản lý
nhà đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Đặng An Thanh

2/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Vũ Hồng Cường, Kiểm sát viên cao
cấp VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/4/2019, tại trụ sở tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 469/HCPT ngày 11/9/2018 về
việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai
thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, GPMB*”

Do bản án hành chính sơ thẩm số 669/2017/HCST ngày 28/5/2018 của Tòa
án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Người khởi kiện: Bà **PTKK**, sinh năm 1963

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông TĐM.

Cùng địa chỉ: 115/24 NTT, P.22, Q.B, Tp.HCM (Có mặt)

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 86 LTT, phường BN, Quận NH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông NVD, là Chuyên viên Ban bồi thường, GPMB Q.B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ UBND Q.B, Tp.HCM

2/ Chủ tịch UBND Q.B, Tp.HCM

Địa chỉ: 6 PDL, P.14, Q.B, Tp.HCM

Người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông NVD, là Chuyên viên Ban bồi thường, GPMB Q.B.

Người kháng cáo: Bà PTKK là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và lời khai của phía người khởi kiện bà PTKK do ông TDM đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05/02/2008, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (gọi là Ủy ban Thành phố) có Quyết định số 616/QĐ-UBND (gọi là Quyết định 616) về việc thu hồi đất để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên tại Phường 19, 21, 22 và 25 quận B.

Ngày 15/4/2009, Ủy ban nhân dân quận B (gọi là Ủy ban B) có Quyết định số 2587/QĐ-UBND về phê duyệt Phương án số 109/PA-UBND ngày 13/4/2009 và dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 10/6/2009, Ủy ban Thành phố có Quyết định số 2917/QĐ-UBND (gọi Quyết định 2917) về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định 616.

Ngày 24/3/2014, Ủy ban B có Quyết định số 1812/QĐ-UBND (gọi là Quyết định 1812) về việc hỗ trợ thu dọn, di dời diện tích 1300m² rau muống do bà PTKK - bà VTQ canh tác trên rạch Văn Thánh, quận B với số tiền là 15.600.000 đồng.

Ngày 21/8/2014, Ủy ban B có Quyết định số 6112/QĐ-UBND (gọi là Quyết định 6112) về việc bổ sung hỗ trợ thu dọn, di dời diện tích rau muống do bà PTKK - bà VTQ canh tác trên rạch Văn Thánh, quận B với số tiền 10.400.000 đồng.

Nhận được Quyết định 1812, bà PTKK đã khiếu nại đề nghị được hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư đối với phần diện tích 1.300m² rau muống trên rạch và hỗ trợ đám rau muống với giá 100.000đồng/m².

Ngày 14/02/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B có Quyết định số 1074/QĐ-UBND (gọi là Quyết định 1074) về việc không công nhận nội dung khiếu nại của bà PTKK và giữ nguyên nội dung Quyết định 1812. Không đồng ý với Quyết định bà PTKK tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/7/2015, Chủ tịch Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định số 3316/QĐ-UBND (gọi là Quyết định 3316) về việc công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1074.

Bà PTKK khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định 3316 với lý do diện tích 1300m² rau muống được chủ cũ sử dụng canh tác trước ngày 15/10/1993, đến năm 2002 mới chuyển nhượng qua cho bà và bà VTQ theo Giấy sang nhượng hoa màu

ngày 25/02/2002.

Bà VTQ và bà PTKK sử dụng liên tục từ ngày nhận chuyển nhượng cho đến ngày bị thu hồi, không có ai tranh chấp. Phần diện tích này được bao quanh hết $\frac{3}{4}$ là đất ao nên là ao chứ không phải là rạch. Việc Ủy ban B xác định phần diện tích là rạch để không giải quyết hỗ trợ hoa màu theo đơn giá 100.000đ/m² và không bồi thường, hỗ trợ bằng 30% giá đất ao hồ liền kề khu dân cư là không đúng với quy định của Luật Đất đai năm 2003; Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định 84, Nghị định 69 và Nghị định 181 của Chính phủ.

Theo đơn và lời khai của phía người bị kiện, Chủ tịch UBND Tp.Hồ Chí Minh trình bày:

Đối với nội dung xem xét khi đất là đất ao hồ liền kề trong khu dân cư và bồi thường, hỗ trợ theo giá trị 30% giá đất ao hồ xen kẽ khu dân cư:

Ủy ban nhân quận B xác nhận phần diện tích đất rạch bà PTKK sử dụng canh tác rau muống không phải đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư là đúng quy định. Do đó, nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ theo giá trị 30% giá đất ao hồ xen kẽ khu dân cư đối với diện tích 1.300m² rau muống trên rạch của bà PTKK là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Đối với nội dung yêu cầu bồi thường hỗ trợ hoa màu là 100.000 đồng/m²

Ủy ban nhân dân quận Quận B tính đơn giá hỗ trợ rau muống là 20.000 đồng/m² cho bà PTKK là đúng quy định. Do đó, nội dung khiếu nại yêu cầu hỗ trợ rau muống với giá 100.000 đồng/m² là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 là đúng quy định pháp luật.

Theo văn bản và lời khai của phía người có quyền và nghĩa vụ liên quan UBND Q.B và Chủ tịch UBND Q.B trình bày:

Thống nhất với ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 669/2018/HCST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà PTKK về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí HCST, thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, phía người khởi kiện bà PTKK làm đơn kháng cáo,

nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của gia đình bà, đề nghị phúc xử lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía người khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Phía người khởi kiện đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà PTKK.

Phía người bị kiện có người bảo vệ quyền lợi đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM tham gia phiên tòa cho rằng: Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung giải quyết đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà PTKK làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà PTKK thì vụ án có quan hệ tranh chấp về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, GPMB*”

Mà cụ thể là bà PTKK đòi hủy bỏ quyết định hành chính số 3316/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại điều 3, điều 30, điều 115 của Luật tố tụng hành chính; Luật đất đai và các quy định hướng dẫn áp dụng Luật Đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại điều 30, điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện các thủ tục tố tụng đạt triệu tập hợp lệ theo luật định, tại phiên tòa phúc thẩm phía người bị kiện vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định

xử vắng mặt phía người bị kiện, được pháp luật quy định tại Điều 157, Điều 158, Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

Theo bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 12 tháng 3 năm 2014 thì 1.300 m² bị ảnh hưởng là đất rạch.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đủ cơ sở để xác định phần 1300 m² bà PTKK và bà VTQ sử dụng chung thuộc thửa 94 (là rạch và hồ, ao), nguồn gốc đất công do nhà nước quản lý trước năm 1972.

Theo Giấy chuyển nhượng hoa màu ngày 25 tháng 02 năm 2002, Giấy đặt cọc ngày 29 tháng 3 năm 2002 thì bà VTQ bà PTKK nhận chuyển nhượng hoa màu không nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân quận B hỗ trợ hoa màu 20.000 đồng/m² theo Quyết định 1812/QĐ-UBND ngày 24/3/2014; Quyết định 6112/QĐ-UBND với tổng số tiền hỗ trợ là 26.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Ngày 14/02/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định hỗ trợ hoa màu, xác định diện tích 1.300 m² có nguồn gốc đất công, không đủ điều kiện bồi thường hỗ trợ về đất. Việc Ủy ban nhân dân quận B chỉ hỗ trợ hoa màu canh tác là phù hợp quy định pháp luật.

Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B không công nhận khiếu nại của bà PTKK là phù hợp quy định pháp luật.

Ngày 06/7/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 không chấp nhận khiếu nại của bà PTKK là phù hợp luật định.

Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án hành chính đã xem xét đầy đủ đến các căn cứ pháp lý và thực tế khách quan của vụ việc, để xác định tính có căn cứ và hợp pháp đối với quyết định hành chính bị khởi kiện, từ đó bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, hợp pháp.

Phía người khởi kiện kháng cáo, nhưng cũng không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của phía người khởi kiện, nên người khởi kiện phải chịu án phí HCPT.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà PTKK, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 3, 28, 115 Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Luật Đất đai và các quy định hướng dẫn Luật Đất đai,

Áp dụng Nghị quyết và Pháp lệnh về lệ phí án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà PTKK về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà PTKK chịu số tiền 300.000đồng, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu của Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM, như vậy bà PTKK đã nộp xong án phí HCPT.

3/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM.
- Tòa án nhân dân Tp.HCM.
- Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM.
- Các đương sự (Đề thi hành).
- Lưu: VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN